

Bản án số: 40/2024/DS-ST
Ngày 06 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Bảo Hiên và bà Bùi Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiên, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2024/TLST-DS, ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Trúc M, sinh năm 1973 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Thái Thị L, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/5/2024 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Bùi Thị Trúc M trình bày:

Ngày 26/02/2022 (âm lịch) bà có cho bà Thái Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500.00 đồng/tháng (có làm giấy vay tiền). Sau khi bà Lợm đóng được 02 tháng tiền lãi (tháng 3 và tháng 4/2022 âm lịch) đến nay vẫn chưa trả tiền gốc và trả lãi. Vì vậy, bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Thái Thị L thanh toán số tiền gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 26/5/2022 (âm lịch) đến ngày 26/4/2024 (âm lịch) là 23 tháng số tiền cụ thể là (23 tháng x 30.000.000 đồng x 1,66%/tháng = 11.454.000 đồng). Tại phiên tòa, bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử.

Quá trình hòa giải tại địa phương, bị đơn là bà Thái Thị L trình bày:

Bà thống nhất về số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng. Về phần lãi suất thì

xin phía nguyên đơn cho hết phần lãi, đồng ý trả vốn cho nguyên đơn mỗi tháng là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Việc bà Bùi Thị Trúc M khởi kiện bà Thái Thị L trả tiền từ việc vay tiền còn nợ chưa thanh toán nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn là bà Thái Thị L vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp*: Bà M xác định bà L có vay số tiền 30.000.000 đồng, có xác lập biên nhận (giấy cho vay tiền). Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Bà M xác định là vào ngày 26/02/2022 (âm lịch) bà có cho bà Thái Thị L vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500.000 đồng/tháng (có làm giấy vay tiền). Sau khi bà L đóng được 02 tháng tiền lãi (tháng 3 và tháng 4/2022 âm lịch) đến nay vẫn chưa trả tiền gốc và trả lãi. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu xem xét tính lãi suất theo pháp luật từ ngày bị đơn vay tiền đến ngày Tòa án xét xử do đó việc vay tiền là thực tế có diễn ra.

Bị đơn thừa nhận toàn bộ số nợ, xin hết phần lãi suất phát sinh, đối với phần lãi suất đã đóng bị đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đối với tiền vốn bị đơn yêu cầu trả mỗi tháng là 500.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý phương thức trả nợ. Yêu cầu được trả toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng và lãi suất phát sinh vì nợ đã lâu mà bị đơn không thanh toán. Do đó bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền cho bà nguyên đơn. Nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[4]. *Về nghĩa vụ thanh toán*: Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà L phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ cho bà M theo nội dung bà M đã khởi kiện là 30.000.000 đồng.

Về lãi suất: Tính từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 26/5/2022 âm lịch nhằm ngày 24/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2024) là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng 12 (mười hai) ngày, số tiền lãi suất tính 20%/năm với số tiền là 13.197.260 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi là 43.197.260 đồng.

[5]. Để chứng minh cho lời trình bày của mình, bà M đã cung cấp biên bản hoà giải ngày 13/4/2024 tại địa phương có nội dung bị đơn là bà L thừa nhận nợ số tiền vay là 30.000.000 đồng và xin trả hàng tháng là 500.000 đồng, xin hết toàn bộ phần tiền lãi suất.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Điều 463; Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Trúc M.

Buộc bà Thái Thị L trả cho bà Bùi Thị Trúc M số tiền là 43.197.260 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Thái Thị L phải chịu 2.159.863 đồng (hai triệu một trăm năm mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi ba đồng).

Bà Bùi Thị Trúc M được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 1.036.350 đồng (một triệu không trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015010 ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước